

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN CHẤN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-11-2018

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Phú

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Hồng Điệp  
2. Bà La Thị Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa :** Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2018/TLST-HNGĐ, ngày 25/9/2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX ST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Bản V, xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái.

“Có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt không có lý do”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lò Thị L trình bày: Chị và anh Lò Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Bản N, xã P, huyện V. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 08/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, tụ tập chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Đến tháng 02/2014 chị phát hiện ra anh T có sử dụng ma túy, chị và gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không từ bỏ được ma túy, chị không còn tin tưởng vào anh T nữa. Năm 2016 anh T vi phạm pháp luật phải đi tù, chị bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng đã ly thân hoàn toàn. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Lò Thị H, sinh ngày 01/5/2012. Hiện nay đang ở với mẹ, ly hôn chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn T và gia đình anh T đồng thời triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã đến làm việc với gia đình bà Lò Thị D là bà ngoại của anh T đồng thời xác minh tại chính quyền địa phương thì gia đình và địa phương cho biết anh T có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ. Nhưng anh T cố tình không đến để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh thể hiện anh Lò Văn T và chị Lò Thị L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đúng như chị L trình bày. Nhưng trong quá trình chung sống tại nơi cư trú anh T và chị L xảy ra mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy nên vợ chồng hay cãi nhau, hiện nay 2 anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do đã vi phạm Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị L: xử cho cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn T. Về con chung, xử giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số:72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Lò Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị Lò Thị L không yêu cầu hoãn phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố

tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Lò Văn T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 21/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, sử dụng ma túy từ năm 2014 dẫn đến chị L không còn tin tưởng đối với anh T nữa, từ năm 2016 anh T vi phạm pháp luật hình sự phải đi tù. Đến nay vợ chồng họ đã sống ly thân hoàn toàn, không còn tình cảm, không còn sự quan tâm đến nhau nữa thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Giữa chị L và anh T có một con chung là Lò Thị H, sinh ngày 01/5/2012, hiện nay đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét anh T là người nghiện chất ma túy, đang trong diện theo dõi tại địa phương. Để đảm bảo quyền được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của con chung giữa chị L và anh T. Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*:

Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Lò Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Lò Thị H, sinh ngày 01/5/2012. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### 3. Về án phí:

Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai số AA/2013/07391 ngày 25/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### 4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lò Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lò Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Phú**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- UBND xã Phúc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Phú**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**